

Số: 3079/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành mức vốn cho vay để được cấp bù lãi suất và mức cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư thuộc Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 được Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa cho vay và được ngân sách cấp bù lãi suất

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHÁNH HÒA

ĐẾN Số: 46
Ngày: 31/10/16
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:
Căn cứ Luật

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của HĐND tỉnh về danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 được Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa đầu tư trực tiếp, cho vay;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại công văn số 3945/STC-ĐT ngày 23 tháng 9 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này:

1. Mức vốn cho vay để cấp bù 100% lãi suất được quy định tại khoản 3, Điều 3 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐ ngày 11/8/2016 của HĐND tỉnh theo địa bàn tại Phụ lục 01, 02, 03 và 04 kèm theo Quyết định này.

2. Ban hành Danh mục các lĩnh vực và mức cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư thuộc Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 được Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa cho vay và được ngân sách cấp bù lãi suất theo danh mục được quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của HĐND tỉnh theo Phụ lục 05 kèm Quyết định này.

3. Mức bù lãi suất: Là mức cấp theo tỷ lệ % so với lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa được UBND tỉnh quyết định từng thời kỳ. Lãi vay được hỗ trợ theo số lãi vay thực trả.

Điều 2. Nguyên tắc, thời gian và nguồn vốn để thực hiện cấp bù lãi suất:

1. Nguyên tắc thực hiện cấp bù lãi suất:

a) Mức vốn vay được cấp bù lãi suất là số tiền thực tế Chủ đầu tư vay tại Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa nhưng không vượt quá mức vốn cho vay tại Điều 1 và mức cho vay theo Quy chế cho vay của Quỹ, trừ trường hợp đặc biệt được quyết định của UBND tỉnh.



b) Các khoản vay được cấp bù lãi suất là các khoản vay trả nợ trong hạn. Không cấp bù lãi suất đối với các khoản vay quá hạn, các khoản vay điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, điều chỉnh mức trả nợ theo từng kỳ hạn, gia hạn nợ so với Hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu.

c) Sử dụng vốn vay đúng mục đích.

2. Thời gian và nguồn vốn cấp bù lãi suất:

a) Thời gian cấp bù lãi suất: Theo thời gian cho vay của hợp đồng tín dụng giữa nhà đầu tư và Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa.

b) Nguồn vốn cấp bù lãi suất: Vốn sự nghiệp ngân sách cấp tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh hàng năm để cấp bù lãi suất.

2. Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa:

a) Tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền cho vay theo quy định với lãi suất cho vay tối thiểu.

b) Hàng năm Quỹ lập kế hoạch cấp bù lãi vay cho năm tiếp theo gửi Sở Tài chính vào thời gian xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

c) Giám sát và theo dõi việc sử dụng vốn vay của Chủ đầu tư. Thông báo ngay cho UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước khi phát hiện Chủ đầu tư sử dụng vốn vay sai mục đích.

d) Phối hợp với Sở Tài chính trong việc kiểm tra, xác nhận số tiền cấp bù lãi suất định kỳ hàng năm và khi hợp đồng vay kết thúc.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh hàng năm để cấp bù lãi suất.

b) Chủ trì, phối hợp với Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa kiểm tra, xác nhận số tiền cấp bù lãi suất định kỳ hàng năm và khi hợp đồng vay kết thúc.

c) Hướng dẫn trình tự, thủ tục cấp bù lãi suất cho các Chủ đầu tư; đồng thời kiểm tra, lập thủ tục trình UBND tỉnh phê duyệt số tiền cấp bù lãi suất.

4. Kho bạc nhà nước tỉnh Khánh Hòa:

Thực hiện thanh toán số tiền cấp bù lãi suất cho Chủ đầu tư khi được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

5. Nhà đầu tư:

a) Phần chi phí lãi vay mà ngân sách nhà nước đã cấp bù không được tính vào giá trị công trình (trong thời gian đầu tư, xây dựng), và không được tính vào chi phí tài chính (sau khi công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng).

b) Hoàn trả số tiền đã được ngân sách tỉnh cấp bù lãi suất theo yêu cầu của UBND tỉnh khi sử dụng vốn vay sai quy định này.

Điều 4. Quyết định này áp dụng từ ngày 22/8/2016 và thay thế Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành mức vốn cho vay để được cấp bù lãi suất và mức cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư thuộc Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 được Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa cho vay và được ngân sách cấp bù lãi suất.


Đối với các hợp đồng tín dụng giữa nhà đầu tư và Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa đã ký kết trong giai đoạn 2013-2015 theo Nghị quyết 06/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh và giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết 17/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của HĐND tỉnh được áp dụng mức cấp bù lãi suất theo Quyết định này nhưng không thấp hơn mức cấp bù lãi suất trước đó.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Khánh Hòa và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HB, HgP, NH, Tle, HLe.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Sơn Hải

Trần Sơn Hải

**MỨC VỐN VAY ĐẦU TƯ ĐƯỢC NGÂN SÁCH CẤP BÙ 100% LÃI SUẤT
VAY THEO KHOẢN 3, ĐIỀU 3 NGHỊ QUYẾT 17/2015/NQ-HĐND**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của UBND tỉnh)

Phụ lục 01. MỨC VỐN VAY: 45%

CÁC VÙNG THỊ TRẤN, THỊ TỬ

TT	Địa bàn	TT	Địa bàn
I	Huyện Khánh Vĩnh	II	Huyện Khánh Sơn
01	Thị trấn Khánh Vĩnh	01	Thị trấn Tô Hạp

Tổng số: 02 thị trấn.

Phụ lục 02. MỨC VỐN VAY: 60%

CÁC XÃ THUỘC VÙNG ĐỒNG BẰNG, VÙNG DUYÊN HẢI

TT	Địa bàn	TT	Địa bàn
I	Huyện Diên Khánh	III	Thị xã Ninh Hòa
01	Diên Lâm	01	Ninh An
02	Diên Điền	02	Ninh Thọ
03	Diên Xuân	03	Ninh Trung
04	Diên Sơn	04	Ninh Sim
05	Diên Đồng	05	Ninh Xuân
06	Diên Phú	06	Ninh Thân
07	Diên Thọ	07	Ninh Đông
08	Diên Phước	08	Ninh Phụng
09	Diên Lạc	09	Ninh Bình
10	Diên Hòa	10	Ninh Phước
11	Diên Thạnh	11	Ninh Phú
12	Diên Toàn	12	Ninh Quang
13	Diên An	13	Ninh Hưng
14	Diên Bình	14	Ninh Lộc
15	Diên Lộc	15	Ninh Ích
16	Suối Hiệp		
		IV	Thành phố Cam Ranh
II	Huyện Vạn Ninh	01	Cam Thịnh Đông
01	Đại Lãnh		
02	Vạn Thắng	V	Huyện Cam Lâm
03	Vạn Hưng	01	Cam Hải Tây
		02	Cam Hiệp Nam
		03	Cam Thành Bắc

Tổng số: 38 xã.

Phụ lục 03. MỨC VỐN VAY: 75%

CÁC XÃ THUỘC KHU VỰC I MIỀN NÚI (TRỪ CÁC THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN)

TT	Địa bàn	TT	Địa bàn
I	Thành phố Cam Ranh	IV	Huyện Khánh Vĩnh
01	Cam Thành Nam	01	Sông Cầu
02	Cam Lập		
03	Cam Phước Đông	V	Huyện Diên Khánh
		01	Suối Tiên
		02	Diên Tân
II	Huyện Vạn Ninh		
01	Vạn Phước	VI	Huyện Khánh Sơn
02	Vạn Long	01	Sơn Trung
03	Vạn Thọ		
04	Vạn Bình	VII	Huyện Cam Lâm
05	Vạn Khánh	01	Suối cát (ngoại trừ các thôn Suối Lau 1, Suối Lau 2, Suối Lau 3)
06	Vạn Phú	02	Cam Hiệp Bắc
07	Vạn Lương	03	Cam Phước Tây (ngoại trừ thôn Văn Sơn)
08	Xuân Sơn	04	Cam An Nam
		05	Cam An Bắc
III	Thị xã Ninh Hòa	06	Cam Hải Đông
01	Ninh Thượng	07	Suối Tân
02	Ninh Tân (ngoại trừ thôn Suối Sâu)	08	Cam Tân
03	Ninh Sơn	09	Cam Hòa
04	Ninh Vân		

Tổng số: 28 xã ngoại trừ các thôn: Suối Lau 1, Suối Lau 2, Suối Lau 3 (Xã Suối Cát), thôn Văn Sơn (Xã Cam Phước Tây), thôn Suối Sâu (Xã Ninh Tân) thuộc phụ lục 4.

Phụ lục 04. MỨC VỐN VAY: 90%

CÁC THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, XÃ VÙNG THUỘC KHU VỰC II VÀ III MIỀN NÚI, CÁC XÃ ĐẢO VÀ THỊ TRẤN TRƯỜNG SA

TT	Địa bàn	TT	Địa bàn
I	Huyện Khánh Vĩnh	IV	Huyện Khánh Sơn
01	Khánh Hiệp	01	Thành Sơn
02	Khánh Bình	02	Sơn Lâm
03	Khánh Trung	03	Sơn Hiệp
04	Khánh Thượng	04	Sơn Bình
05	Giang Ly	05	Ba Cạm Bắc
06	Cầu Bà	06	Ba Cạm Nam
07	Liên Sang		
08	Khánh Thành	V	Thị xã Ninh Hòa
09	Khánh Phú	01	Ninh Tây
10	Sơn Thái	02	Thôn Suối Sâu (Xã Ninh Tân)
11	Khánh Đông		
12	Khánh Nam	VI	Huyện Vạn Ninh
		01	Vạn Thạnh (xã đảo)
II	Huyện Cam Lâm		
01	Sơn Tân	VI	Thành phố Cam Ranh
02	Thôn Suối Lau 1 (Xã Suối Cát)	01	Cam Thịnh Tây
03	Thôn Suối Lau 2 (Xã Suối Cát)	02	Cam Bình (xã đảo)
04	Thôn Suối Lau 3 (Xã Suối Cát)		
05	Thôn Văn Sơn (Xã Cam Phước Tây)	VII	Huyện Trường Sa
		01	Thị trấn Trường Sa
III	Thành phố Nha Trang	02	Song Tử Tây (xã đảo)
	Phường Vĩnh Nguyên (xã đảo)	03	Sinh Tồn (xã đảo)

Tổng số: 01 thị trấn (xã đảo)

26 xã, trong đó có 4 xã đảo và phường Vĩnh Nguyên thành phố Nha Trang.
5 thôn đặc biệt khó khăn của các xã thuộc khu vực I.

Phụ lục 5. DANH MỤC CÁC LĨNH VỰC ĐƯỢC CẤP BÙ LÃI SUẤT

STT	Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 được Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa cho vay và được ngân sách cấp bù lãi suất	Mức cấp bù theo tỷ lệ % so với lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ
1	Đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở xã hội	50%
2	Đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng khu dân cư, khu tái định cư	
2.1	<i>Đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng khu dân cư</i>	20%
2.2	<i>Đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng khu tái định cư</i>	50%
3	Đầu tư hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện môi trường	
3.1	<i>Đầu tư hệ thống cấp nước sạch các phường thuộc thành phố Nha Trang (trừ phường Vĩnh Nguyên thuộc xã đảo theo QĐ 2312/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ)</i>	30%
3.2	<i>Đầu tư hệ thống cấp nước sạch các xã thuộc thành phố Nha Trang</i>	40%
3.3	<i>Đầu tư hệ thống cấp nước sạch các phường thuộc thành phố Cam Ranh, thị xã Ninh Hòa</i>	40%
3.4	<i>Đầu tư hệ thống cấp nước sạch thị trấn Vạn Giã, thị trấn Diên Khánh, thị trấn Cam Đức</i>	40%
3.5	<i>Đầu tư hệ thống cấp nước sạch nông thôn thuộc đối tượng ưu đãi của Chính phủ theo QĐ 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 (đối với phần vốn ngân sách phải hỗ trợ nhưng không có nguồn vốn để hỗ trợ được quy định tại khoản 3, Điều 3 của Nghị quyết 02//2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của HĐND tỉnh)</i>	100%
3.6	<i>Đầu tư hệ thống cấp nước sạch nông thôn thuộc đối tượng ưu đãi của Chính phủ theo QĐ 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 (ngoài phần hỗ trợ vốn của ngân sách nhà nước)</i>	50%
3.7	<i>Đầu tư hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, rác thải; đầu tư các sản phẩm thân thiện với môi trường</i>	60%
4	Đầu tư, phát triển hệ thống phương tiện vận tải công cộng	40%
5	Đầu tư xây dựng, mở rộng bệnh viện cơ sở khám chữa bệnh, trường học, văn hóa, thể dục, thể thao, công viên	50%



6	Đầu tư nâng cấp và mở rộng hệ thống điện trên địa bàn tỉnh; Đầu tư phát triển sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió	
6.1	<i>Đầu tư nâng cấp và mở rộng hệ thống điện trên địa bàn tỉnh</i>	40%
6.2	<i>Đầu tư phát triển sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió</i>	60%
7	Đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp (đường, điện nước)	50%
8	Đầu tư xây dựng, nâng cấp và mở rộng cảng biển	20%
9	Đầu tư xây dựng, cải tạo hồ chứa nước, công trình thủy lợi	50%
10	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các dự án phục vụ sản xuất, phát triển nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp	100%